

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hiếu Trọn;

Ông Tô Thiện Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1068/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1993; thường trú: khu phố Đ, phường N, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; thường trú: khu phố Đ, phường N, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số A/2013, quyền số 02/2013, cấp ngày 01/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng có 01 người con chung nhưng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đặc biệt, thời gian gần đây, mâu thuẫn giữa chị T và anh T càng trầm trọng hơn, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung. Chị T đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả.

Nay chị T xác định hôn nhân của chị và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Trần P, sinh ngày 12/10/2013. Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại buổi hòa giải ngày 30/3/2018 chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác và giấy triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Chị Trần Thị Mỹ T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 18/4/2018 và ngày 04/5/2018 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về hôn nhân, chị T và anh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T có địa chỉ tại 20/7 khu phố Đ, phường N, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 18/4/2018 nguyên đơn nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 18/4/2018 và ngày 04/5/2018 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Trần Văn T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chứng minh bằng Giấy chứng nhận kết hôn số 211/2013, quyển 02 /2013 ngày 01/10/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng quá trình vợ chồng chị sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị T đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Trần Văn T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trần Văn T không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh T đối với chị T đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Trần Văn T bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn tình cảm với chị Trần Thị Mỹ T cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị anh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung tên Trần P, sinh ngày 12/10/2013. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án anh Trần Văn T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Từ khi sinh ra đến nay cháu Trần P đều do chị Trần Thị Mỹ T nuôi dưỡng, hiện cháu P vẫn phát triển tốt. Do đó nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, đảm bảo tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường về mọi mặt của cháu Phú theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

1. ...

2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.*

3. ... ”.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Mỹ T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần P, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2013 cho chị Trần Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Trần Thị Mỹ T và anh Trần Văn T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Trần Văn T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Trần Thị Mỹ T nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Văn T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Mỹ T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0018653 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND phường Dĩ An (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nga